

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2020.
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Văn Phước

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Duy Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 335/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị Thanh P, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: Số 1, tổ 3, ấp 2, xã An P, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

Chỗ ở hiện nay: Hẻm 112, số 201, ấp Bình L, xã Lộc A, huyện Long T, tỉnh Đồng N. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Thái Thành T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 1, tổ 3, ấp 2, xã An P, huyện Long T, tỉnh Đồng N. (Có mặt)

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lê Minh Q- Văn phòng Luật sư Tân Thành Q, đoàn luật sư tỉnh Bà R- Vũng T.

Địa chỉ: Số 356, Đốc L, khu phố Quảng P, phường Phú M, thị xã Phú M, tỉnh Bà R- Vũng T. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2020, bản tự khai ngày 19/6/2020 và các lời khai tiếp theo tại tòa, nguyên đơn chị Đào Thị Thanh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T chung sống với nhau năm 2002, đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã An P, huyện Long T, tỉnh Đồng N. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, tháng 04/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, cách sống của anh T bảo thủ, ích kỷ với vợ con. Tháng 4/2020 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng chị đã bỏ về nhà cha, mẹ ruột tại ấp Bình L, xã Lộc A, huyện Long T, tỉnh Đồng N và đã sống ly thân với anh T cho đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng có bàn bạc đoàn tụ nhưng không thể tiếp tục chung sống, đoàn tụ được. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung.

1- Thái Hoài P, sinh ngày 24/01/2004

2- Thái Thị Hồng H, sinh ngày 01/5/2012

Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Thái Thị Hồng H, sinh ngày 01/5/2012, chị đồng ý giao cháu Thái Hoài P, sinh ngày 24/01/2004 cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

+ *Tại bản tự khai ngày 19/6/2020 và các lời khai tiếp theo tại tòa, bị đơn anh Thái Thành T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị P chung sống với nhau năm 2002. Đến năm 2003, mới đăng ký kết hôn tại UBND xã An P, huyện Long T, tỉnh Đồng N ngày 09/12/2003. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, tháng 04/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thỉnh thoảng vợ chồng có cãi vã nhau. Đến tháng 4/2020, chị P bỏ về nhà cha, mẹ ruột chị sinh sống và đã sống ly thân cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị P yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung.

1- Thái Hoài P, sinh ngày 24/01/2004

2- Thái Thị Hồng H, sinh ngày 01/5/2012

Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Thái Thị Hồng H, sinh ngày 01/5/2012; Thái Hoài P, sinh ngày 24/01/2004, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Hai anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn của vợ chồng chị P, anh T trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị P, cho chị P được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 con chung;

1- Thái Hoài P, sinh ngày 24/01/2004;

2- Thái Thị Hồng H, sinh ngày 01/5/2012.

Hai anh, chị đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, cháu H đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống với chị P, chú P có nguyện vọng được sống với anh T. Đề nghị giao cháu Thái Thị Hồng H, sinh ngày 01/5/2012 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Thái Hoài P, sinh ngày 24/01/2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Chị P, anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Tài sản chung: Hai anh chị tự thỏa thuận, không yêu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đào Thị Thanh P và anh Thái Thành T cùng cư trú tại xã An P, huyện Long T, tỉnh Đồng N, chị P có đơn tranh chấp ly hôn với anh T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã An P, huyện Long T, tỉnh Đồng N cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 09/12/2003 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống, chị P và anh T có những bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay gây gổ, cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc cũng không quan tâm gì đến nhau. Tại tòa, chị P, anh T xác định tình cảm vợ

chồng không còn, không thể hàn gắn được tình cảm, không còn khả năng đoàn tụ, chị P yêu cầu ly hôn anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện để chị P, anh T đoàn tụ chung sống với nhau là không có, tình trạng của vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, xét yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của bị đơn nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung.

1- Thái Hoài P, sinh ngày 24/01/2004;

2- Thái Thị Hồng H, sinh ngày 01/5/2012.

Tại phiên tòa, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Thái Thị Hồng H, sinh ngày 01/5/2012, chị đồng ý giao cháu Thái Hoài P, sinh ngày 24/01/2004 cho anh T nuôi dưỡng. Anh T yêu cầu được nuôi 02 con chung Thái Hoài P, sinh ngày 24/01/2004; Thái Thị Hồng H, sinh ngày 01/5/2012.

Xét thấy, nguyên đơn, bị đơn đều có điều kiện về kinh tế, có công việc và thu nhập ổn định, cháu Thái Thị Hồng H đã trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng được sống với chị P, hơn nữa cháu H là nữ nên việc chăm sóc, giáo dục con do người mẹ chăm sóc sẽ tốt hơn. Để đảm bảo việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị P, giao cháu Thái Thị Hồng H, sinh ngày 01/5/2012 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Thái Hoài P, sinh ngày 24/01/2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa công khai, chị P, anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Nợ chung: Không có.

[6] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Chị P, anh T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An P, huyện Long T, tỉnh Đồng N là hôn nhân hợp pháp, hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị P, anh T được ly hôn.

Về con chung: Chị P, anh T có 02 con chung;

1- Thái Hoài P, sinh ngày 24/01/2004;

2- Thái Thị Hồng H, sinh ngày 01/5/2012.

Về điều kiện nuôi con của anh T có nơi ở, mức thu nhập ổn định, thời gian qua anh T chăm sóc con tốt. Ngoài ra, để hai cháu được sống gần gũi có tình cảm anh, em. Đề nghị, Hội đồng xét xử xem xét cho anh T được nuôi 02 con chung Thái Hoài P, sinh ngày 24/01/2004, Thái Thị Hồng H, sinh ngày 01/5/2012. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chỉ phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử về quan hệ hôn nhân, về việc giao 02 con chung Thái Hoài P và Thái Thị Hồng H cho anh T nuôi dưỡng là không phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[9] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Đào Thị Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Thanh P đối với anh Thái Thành T về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Cho chị Đào Thị Thanh P được ly hôn anh Thái Thành T.

Về con chung: Giao cháu Thái Hoài P, sinh ngày 24/01/2004 cho anh Thái Thành T trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao cháu Thái Thị Hồng H, sinh ngày 01/5/2012 cho chị Đào Thị Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh T, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị P và anh T vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, chị P và anh T có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

2- Về án phí: Chị Đào Thị Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0003453 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện Long Thành;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS huyện Long Thành;
- UBND xã An Phước;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tấn Cảnh